# GIẢI THÍCH PHẨM MƯỜI TÁM: ĐẠI THỪA
## Phần 1

***KINH:*** Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát? Làm sao biết Bồ-tát ma-ha-tát phát tâm thú hướng Đại thừa? Thừa ấy phát xuất từ chỗ nào? Thừa ấy đi đến chỗ nào? Thừa ấy trú chỗ nào? Ai cưỡi Đại thừa ấy đi ra?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát ư? Tu-bồ-đề! Sáu Ba-la-mật là Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát. Những gì là sáu? Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật.

Sao gọi là Thí Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí tài vật trong ngoài, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thí Ba-la-mật.

Sao gọi là Giới Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự làm Mười thiện đạo, cũng dạy người khác làm Mười thiện đạo, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ ma-ha-tát chẳng chấp trước Giới Ba-la-mật.

Sao gọi là Nhẫn Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trì nhất thiết chủng, tự đầy đủ nhẫn nhục, cũng dạy người khác tu nhẫn nhục, vì dùng vô sở đắc, nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Nhẫn Ba-la-mật.

Sao gọi là Tinh tấn Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu năm Ba-la-mật, siêng tu không nghỉ, cũng an lập hết thảy chúng sinh nơi năm Ba-la-mật, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Sao gọi là Thiền Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự lấy phương tiện vào các thiền, không sinh theo thiền cũng dạy người khác khiến vào các thiền, vì dùng vô sở đắc nên gọi là Bồ-tát ma-ha-tát Thiền Ba-la-mật.

Sao gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không đắm hết thảy pháp, cũng quán hết thảy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, cũng dạy người khác không đắm hết thảy pháp, cũng quán hết thảy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, nên gọi là Bồ tát ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không,

tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế nào là nội không?

Phật dạy: Nội không là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt, mắt không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Tai, tai không, mũi, mũi không; lưỡi, lưỡi không; thân, thân không; ý, ý không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội không.

Sao gọi là ngoại không? Pháp ngoài gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc, sắc không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thanh, thanh không; hương, hương không; vị, vị không; xúc, xúc không; pháp, pháp không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Sao gọi là nội ngoại không? Pháp trong ngoài gọi là trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Pháp trong, pháp trong không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì nó tự như vậy. Pháp ngoài, pháp ngoài không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là nội ngoại không.

Sao gọi là không không? Hết thảy pháp không, không ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là không không.

Sao gọi là đại không? Phương đông, phương đông không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy. Phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đại không.

Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Đệ nhất nghĩa tức là Niết-bàn; Niết-bàn, Niết-bàn không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sao gọi là hữu vi không? Pháp hữu vi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cõi Dục, cõi Dục không; cõi Sắc, cõi Sắc không; cõi Vô sắc, cõi Vô sắc không; chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là hữu vi không.

Sao gọi là vô vi không? Pháp vô vi gọi là tướng không sinh, tướng không trụ, tướng không diệt; pháp vô vi, pháp vô vi không chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô vi không.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo tức là các pháp rốt ráo không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là rốt ráo không.

Sao gọi là vô thỉ không? Hoặc pháp chỗ bắt đầu đến không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô thỉ không.

Sao gọi là tán không? Tán là các pháp không diệt, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tán không.

Sao gọi là tánh không? Hết thảy pháp tánh, hoặc tánh pháp hữu vi, hoặc tánh pháp vô vi, tánh ấy chẳng phải Thanh-văn, Bích-chi Phật làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải các người khác làm ra. Tánh ấy tánh không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là tánh không.

Sao gọi là tự tướng không? Tự tướng, sắc là tướng hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tưởng là tướng nắm lấy tướng, hành là tướng tạo tác, thức là tướng hiểu biết. Như vậy các pháp hữu vi, vô vi, mỗi mỗi tự tướng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tự tướng không.

Sao gọi là các pháp không? Các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mắt, tai, muĩ, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, ý thức giới. Các pháp ấy, các pháp không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là các pháp không.

Sao gọi là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp không thể có được, ấy là bất đắc không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ầy gọi là bất đắc không.

Sao gọi là vô pháp không? Pháp không có ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô pháp không.

Sao gọi là hữu pháp không? Pháp có là các pháp trong sự hòa hợp có tự tánh tướng, pháp có ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là hữu pháp không.

Sao gọi là vô pháp hữu pháp không? Trong các pháp không có pháp, trong các pháp hòa hợp, có tướng tự tánh (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Thế nào là vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không thể có tánh hòa hợp và có tự tánh hòa hợp –ND) Vô pháp hữu pháp ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp, tướng pháp không; vô pháp, tướng vô pháp không; tự tánh, tướng tự tánh không; tha pháp, tướng tha pháp không.

Sao gọi là pháp, tướng pháp không? Pháp là năm uẩn, năm uẩn không; ấy gọi là pháp, tướng pháp không.

Sao gọi là vô pháp, tướng vô pháp không? Vô pháp là pháp vô vi; ấy gọi là vô pháp, tướng vô pháp không.

Sao gọi là tự pháp, tướng tự pháp không? Các pháp, tự tánh không, cái không ấy chẳng phải trí làm, chẳng phải cái thấy làm; ấy gọi là tự pháp, tướng tự pháp không.

Sao gọi là tha pháp, tướng tha pháp không? Hoặc ra đời, hoặc Phật chưa ra đời, pháp trụ, tướng pháp, pháp vị, pháp tánh, như như, thật tế, quá các pháp không này; ấy gọi là tha pháp, tướng tha pháp không (Kinh Đại Bát-nhã ghi: Hết thảy pháp hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh,pháp giới, pháp bình đẳng tánh, pháp ly sinh tánh, chân như bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế, đều do tha tánh nên không, ấy gọi là tha tánh do tha tánh nên không, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ-tát ma-ha-tát – ND).

***LUẬN:*** Hỏi: Kinh này tên là Bát-nhã Ba-la-mật, lại Phật khiến Tu-bồ-đề vì Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật, Tu-bồ-đề nên hỏi Bát-nhã Ba-la-mật, Phật cũng nên đáp Bát-nhã Ba-la-mật, sao nay Tu-bồ-đề lại hỏi tướng Đại thừa, Phật cũng đáp Đại thừa?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật và Đại thừa cùng một nghĩa, chỉ có danh tự khác nhau, hoặc nói Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc nói Đại thừa, không lỗi. Đại thừa là Phật đạo, thực hành pháp ấy được đến Phật, đó là sáu pháp Ba-la-mật. Lớn nhất trong sáu Ba-la-mật là Bát-nhã Ba-la-mật, như ở phẩm sau Phật nói các nhân duyên lớn, nếu nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì nhiếp hết sáu Ba-la-mật. Nếu nói sáu Ba-la-mật thì nói đủ Bồ-tát đạo. Nghĩa là bao gồm từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật; ví như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng; tuy không nói kẻ tùy tùng, mà nên biết chắc chắn có. Đại thừa cũng như vậy.

Bồ-tát ban đầu phát tâm tu hành vì cầu Phật đạo, tu tập thiện pháp, tùy chúng sinh có thể độ mà nói các pháp, đó là kinh Bổn khởi, kinh Dứt hết thảy sinh nghi, kinh Hoa thủ, kinh Pháp hoa, kinh Mây, kinh Mây lớn, kinh Mây pháp, kinh Di-lặc hỏi, kinh Sáu Ba la-la-mật, kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy vô lượng vô biên vô số kinh, hoặc Phật nói, hoặc Hóa Phật nói, hoặc đại Bồ-tát nói, hoặc Thanh-văn nói, hoặc trời đắc đạo nói, việc ấy hòa hợp đều gọi là Đại thừa. Trong các Kinh ấy, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn, nên nói là Đại thừa, tức là biết nói Bát-nhã Ba-la-mật. Các pháp trợ đạo khác không có Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp thì không thể đi đến thành Phật. Vì vậy hết thảy pháp trợ đạo đều là Bát-nhã Ba-la-mật. Như phẩm sau, Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nói Đại thừa không khác Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao lúc đầu không nói Đại thừa trước?

Đáp: Ở trên tôi đã nói Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn cho nên phải nói

trước. Lại, ý Phật muốn nói Đại thừa Bát-nhã Ba-la-mật nên phóng ra ánh sáng lớn, mười phương các Bồ-tát đều tự hỏi Phật, nay sao có ánh sánh đó? Chư Phật đều đáp: Ở thế giới Ta bà có Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật, các Bồ-tát kia và các trời người hòa hợp đi đến.

Xá-lợi-phất hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết hết thảy pháp phải nên tập hành Bát-nhã Ba-la-mật? Lại, trong phẩm đầu, Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bát-nhã Ba-la-mật rằng, nếu ai muốn được như vậy hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Có các nhân duyên như vậy, nên ban đầu nói Bát-nhã Ba-la-mật. Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hãy vì các Bồ-tát nói Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề khiêm nhường nói: Bồ-tát "không" chỉ có tên gọi; tiếp sau lại nói là biết rõ hiểu được tướng Bồ-tát như vậy, tức là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Đã biết như vậy rồi lại hỏi cú nghĩa Bồ-tát, tiếp đến hỏi nghĩa Ma-ha-tát. Trong nghĩa Ma-ha-tát có Đại thừa đại trang nghiêm; ví như dũng sĩ tuy có dao gậy trang nghiêm mà không cưỡi ngựa hay, thì không thể làm gì.

Đại thừa, Thiên trúc gọi là Ma-ha Diễn (Mahayana). Chư Phật vì dứt pháp ái, và vì nói rõ nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật không khác, nên Phật không quở trách. Vì vậy, Tu-bồ-đề lại dùng tên khác hỏi Ma-ha Diễn.

Hỏi: Như trong lời tựa Ma-ha Diễn nói: Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, vì Phật đạo nên nhóm hết thảy thiện pháp, đều gọi là Ma-ha Diễn. Sao nay chỉ nói sáu Ba-la-mật là Ma-ha Diễn?

Đáp: Như trước nói: Nói Bát-nhã Ba-la-mật, thì đã nói sáu Ba-la-mật, nói sáu Ba-la-mật thì đã nhiếp hết thảy thiện pháp. Vì vậy không nên hỏi các thiện pháp có nhiều sao chỉ nói sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Ma-ha Diễn, ban đầu phát tâm lập nguyện, cho đến về sau sáu Ba-la-mật phương tiện v.v... Các pháp ấy tuy không gọi là Ba-la-mật, nhưng theo nghĩa đều ở trong sáu Ba-la-mật. Như ban đầu phát tâm lập nguyện vì tâm đại bi v.v... có sức lớn nên gọi là Tinh tấn Ba-la-mật; bỏ lợi nhỏ, thủ lấy Đại thừa, thì gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Phương tiện tức là trí tuệ, trí tuệ thanh tịnh nên đổi gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật v.v... đều ở trong sáu Ba-la-mật, tùy nghĩa thu nhiếp nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao lại nói mười tám pháp không, một trăm lẻ tám Tam-muội v.v... gọi là Ma-ha Diễn?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là thể Ma-ha Diễn, về sau chỉ phân biệt rộng

nghĩa nó. Như mười tám không, bốn mươi hai chữ v.v... là nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật, một trăm lẻ tám Tam-muội là nghĩa Thiền Ba-la-mật. Vì vậy nên ban đầu nói Sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Cớ sao chỉ nói đúng Sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít?

Đáp: Phật là đấng Pháp vương, tùy chúng sinh có thể độ, hoặc có khi lược nói một, hai, ba, bốn, hoặc có khi nói rộng, như kinh Hiền Kiếp nói tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật.

Lại nữa, sáu đạo chúng sinh đều chịu thân tâm khổ não, như chúng sinh địa ngục bị khổ tra khảo, trong súc sinh bị khổ tàn hại lẫn nhau, trong ngã quỷ bị khổ đói khát, trong loài người bị khổ tìm cầu dục lạc, ở cõi trời bị khổ xa lìa điều ưa muốn, A-tu-la bị khổ đấu tranh; Bồ-tát sinh tâm đại bi muốn dứt khổ cho sáu đạo chúng sinh nên phát sinh sáu Ba-la-mật. Vì vậy nên nói Sáu Ba-la-mật, không nhiều không ít hơn.

Hỏi: Thí Ba-la-mật có nhiều tướng, sao trong đây Phật chỉ nói năm tướng là dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, xả tài vật trong ngoài, đem phước ấy cùng với chúng sinh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc, sao không nói đến tâm đại từ-bi, cúng dường chư Phật, và thần thông, bố thí v.v... ?

Đáp: Năm tướng ấy gồm nhiếp hết thảy bố thí. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí là duyên theo Phật đạo, nương Phật đạo.

Xả tài vật trong ngoài là xả hết thảy phiền não; chung với chúng sinh là tâm đại bi.

Hồi hướng là đem sự bố thí này chỉ cầu Phật đạo; không cầu quả báo gì khác.

Dùng vô sở đắc là được khí phần của Bát-nhã Ba-la-mật về thật tướng các pháp.

Thí Ba-la-mật chẳng phải hư dối, chẳng phải điên đảo, cũng không cùng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì không cần năm tướng, chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là đủ?

Đáp: Việc ấy có thể như vậy. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết nghĩa thế nào là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí, cho nên lấy bốn việc phân biệt nghĩa kia.

Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là, đem tâm Bồ-tát cầu Trí nhất thiết chủng của Phật làm duyên, khởi niệm để buộc tâm; đem tâm ấy mà bố thí muốn quả Trí nhất thiết chủng, chứ không cầu nhân duyên, tiếng tăm, ân đức đời nay, cũng không cầu đời sau làm Chuyển

luân Thánh vương, vua trời, chỗ giầu sang. Vì độ chúng sinh, không cầu Niết-bàn, chỉ muốn đầy đủ các Phật pháp Nhất thiết trí v.v... vì dứt hết khổ cho hết thảy chúng sinh, nên gọi là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tài vật trong ngoài là, trong là đầu não, xương tủy, máu thịt v.v... vì khó xả bỏ nên nói trước; vật ngoài là quốc độ, vợ con, bảy báu, uống ăn v.v...

Cùng với hết thảy chúng sinh là, quả báu phước đức bố thí cho hết thảy chúng sinh dùng chung; ví như nhà giàu trồng lúa cho mọi người ăn chung. Quả báu phước đức của Bồ-tát, hết thảy chúng sinh đều đến nương nhờ; ví như cây có quả tốt, chim chóc đều qui tụ.

Hồi hướng là, bên cạnh phước đức, không cầu quả báo khác, chỉ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước tiên nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, sau nói hồi hướng, có sai khác gì?

Đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là nhân duyên sinh khởi các phước đức, còn hồi hướng là không cầu quả báo khác, chỉ cầu Phật đạo.

Lại nữa, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì ứng hợp với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên bố thí, như nghĩa ở trước nói Trí nhất thiết chủng làm chủ, hết thảy công đức đều vì Trí nhất thiết chủng.

Tán thán trí tuệ Phật có hai thứ:

1. Chánh trí vô thượng, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

2. Trí nhất thiết chủng, gọi là Tát-bà-nhã.

Dùng vô sở đắc là, dùng tâm Bát-nhã Ba-la-mật để bố thí, thuận với thật tướng các pháp mà không hư dối.

Như vậy, là nói về nghĩa Thí Ba-la-mật.

Hỏi: Giới Ba-la-mật thì tổng nhiếp hết thảy giới pháp; ví như biển lớn tổng nhiếp các dòng. Nghĩa là không uống rượu, không ăn quá ngọ, không đánh đập chúng sinh v.v... việc ấy không nhiếp vào trong Mười thiện, cớ sao chỉ nói mười thiện?

Đáp: Phật nói tổng tướng Ba-la-mật, Mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng thì có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngọ... nhập vào trong điều thiện không tham; không gia hại chúng sinh nhập vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà nhiếp theo sau.

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp

có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, trói buộc, cắt chém cho đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn đầu. Sau khi chết lột da, ăn, nuốt, cắt xẻ, vui mừng đều gọi là giai đoạn cuối. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói Mười thiện đạo thì thu nhiếp hết thảy giới.

Lại nữa, Bồ-tát sinh tâm từ-bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bố thí lợi ích chúng sinh, tùy chỗ họ cần đều cấp cho, trì giới không não hại chúng sinh, không gia thêm các khổ, thường thí vô úy, lấy Mười thiện nghiệp đạo làm căn bản. Ngoài ra, các việc khác là nhân duyên xa không não hại chúng sinh. Giới luật vì thủ chứng Niết-bàn tại đời này, dâm dục tuy không não hại chúng sinh, mà vì tâm bị trói buộc nên đại tội. Vì vậy nên dâm dục đứng đầu trong giới luật, kẻ bạch y thì giới bất sát ở trước. Vì cầu phước đức nên Bồ-tát không cầu Niết-bàn, trong đời này, qua lại sinh tử trong vô lượng đời để tu các công đức. Mười thiện là cựu giới, các luật nghi là khách.

Lại nữa, nếu Phật ra đời vào thời kỳ tốt đẹp, thì không có giới luật này. Như đức Phật Thích-ca Văn, tuy ở đời ác, mà sau khi thành đạo mười hai năm cũng không có giới này, vì vậy nên biết nó là khách.

Lại nữa, có hai thứ Giới: Giới lúc có Phật hoặc có hoặc không, còn Mười thiện, dù lúc có Phật không có Phật vẫn thường có.

Lại nữa, Giới trong Giới luật, tuy là vi tế sám hối thì thanh tịnh, còn phạm Mười thiện giới, tuy sám hối mà tội ba ác đạo không thể trừ. Như Tỳ-kheo giết súc sinh, tuy được sám hối, nhưng tội báo vẫn không trừ. Do các nhân duyên như vậy, chỉ nói Mười thiện nghiệp đạo, cũng tự làm, cũng dạy người khác làm, gọi là Giới Ba-la-mật.

Mười thiện đạo, bảy việc là giới, ba việc là thủ hộ. Gọi chung là Giới Ba-la-mật. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt. Như đã luận nghĩa nói rộng ở trong phẩm đầu.

Kinh này gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tướng lìa bỏ, vì vậy nên đối với hết thảy pháp đều dùng vô sở đắc.

Hỏi: Nếu dùng hữu sở đắc để nhóm các thiện pháp thì đã là khó, huống gì dùng vô sở đắc? Nếu được trí vô sở đắc thì lúc ấy có thể trở ngại làm việc thiện, hoặc sinh tà nghi; nếu không được trí vô sở đắc thì lúc ấy không trở ngại làm việc thiện, cũng không sinh tà nghi?

Đáp: Phật cũng không khen tâm chấp trước thủ tướng làm các việc thiện. Vì sao? Vì hư dối ở thế gian, cuối cùng tiêu hết. Nếu chấp trước

tâm tu thiện, bị phá rất dễ, nếu chấp trước Không, thì sinh hối hận, trở lại mất đạo; ví như lửa sinh trong cỏ, gặp nước thì tắt, nếu lửa sinh trong nước, thì không vật gì làm tắt được. Bồ-tát ban đầu tập hành mà chấp trước tâm thủ tướng tu phước đức, giống như cỏ sinh lửa, dễ cháy, dễ tắt. Nếu Bồ tát thể hội được thật tướng các pháp, lấy tâm đại bi tu các hạnh, khó thể phá được; như lửa sinh trong nước, không thể diệt được. Vì vậy nên dùng tâm vô sở đắc tu các hạnh, tâm cũng không nhu nhược, không sinh nghi hối.

Ấy là lược nói nghĩa Sáu Ba-la-mật, còn nói rộng như trong phẩm đầu, mỗi mỗi Ba-la-mật đều đầy đủ.

Mười tám không là, trong Sáu Ba-la-mật nói nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật không nhiễm trước các pháp. Vì sao? Vì Mười tám không. Luận nghị về Mười tám không, như trong phẩm đầu Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Bồ-tát ma-ha-tát muốn an trụ Mười tám không hãy học Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa ấy như đã nói rộng trong ấy.

Hỏi: Mười tám không, sau nội không v.v... đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu người không tu tập hai không ấy, tức rơi vào hai bên hoặc thường hoặc đoạn diệt. Vì sao?Vì nếu các pháp thật có thì không có nghĩa diệt, bị rơi vào chấp thường; như người ra khỏi nhà này đi vào nhà khác, mắt tuy không thấy mà không gọi là không có. Các pháp cũng như vậy, từ đời vị lai đi vào đời hiện tại, từ đời hiện tại đi vào đời quá khứ, như vậy thì không diệt.

Hành giả vì lo sợ có, mà dùng không để phá tâm chấp có, song lại quí không mà đắm vào không, thì bị rơi vào đoạn diệt. Vì vậy nên tu hành không ấy để phá có, cũng không đắm không. Xa lìa hai bên ấy, lấy trung đạo để hành Mười tám không, dùng tâm Đại bi mà độ chúng sinh, thế cho nên sau Mười tám không, đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt; ấy gọi là Ma-ha Diễn. Trái với đây là hí luận của người cuồng, ở trong Phật pháp luống không được gì, như người ở giữa đống trân bảo lượm lấy ngọc thủy tinh, mắt tuy thấy đẹp mà chẳng có giá trị gì.

Hỏi: Nếu Mười tám không đã nhiếp hết các không, cớ sao còn nói bốn không?

Đáp: Trong Mười tám không, hiện không nhiếp hết, Chư Phật có hai cách thuyết pháp, hoặc đầu nói lược sau nói rộng, hoặc đầu nói rộng sau nói lược. Đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa; đầu rộng sau lược là vì dễ thọ trì. Hoặc vì chúng sinh đến sau nên lược nói yếu nghĩa, hoặc nói bằng kệ, tụng. Nay Phật đầu nói rộng Mười tám không, sau lược nói

tướng bốn không.

Pháp, tướng pháp không là, trong hết thảy pháp, pháp tướng chẳng thể có được, như trong sắc, sắc tướng chẳng thể có được.

Lại nữa, trong pháp chẳng sinh pháp, gọi là pháp pháp không.

Vô pháp, vô pháp không là, pháp vô vi, gọi là vô pháp. Vì sao? Vì tướng nó không thể có được.

Hỏi: Phật dùng ba tướng nói pháp vô vi, tại sao nói vô tướng?

Đáp: Không phải vậy, phá sinh nên nói vô sinh, phá trụ nên nói vô trụ, phá diệt nên nói vô diệt; đều từ bên sinh, trụ, diệt mà có tên gọi đó, không phải riêng có pháp vô sinh, vô diệt gọi là vô pháp, vô pháp không. Nghĩa này như đã nói trong phẩm vô vi không.

Tự pháp, tự pháp không là tự pháp, tự tánh các pháp. Tự tánh có hai: 1. Như pháp thế gian, đất có tánh cứng v.v... 2. Như như, pháp tánh, thật tế mà Thánh nhân rõ biết pháp ấy không. Vì sao? Vì không do trí thấy biết. Có hai tánh không, như trước nói.

Hỏi: Như, pháp tánh, thật tế, đã nhiếp vào trong pháp vô vi, sao còn nói lại?

Đáp: Trong khi quán xét phân biệt nói thật tướng năm uẩn, là pháp tánh, như như, thật tế. Lại chẳng phải do trí Không quán sát làm cho nó không, mà tánh nó tự không như vậy.

Hỏi: Như sắc là tự pháp, thức là tha pháp, trong đó vì sao nói như, pháp tánh, thật tế, có Phật không Phật vẫn thường trú, vượt qua đây gọi là tha pháp không?

Đáp: Có người vì chưa khéo dứt kiết sử tà kiến nên mỗi mỗi sinh tâm chấp trước, người ấy nghe nói như như, pháp tánh, thật tế, thì cho rằng vượt quá đây còn có pháp khác, vì vậy nên nói vượt quá như như, pháp tánh, thật tế cũng không.